TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THẤT** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 123/2024/QĐST-DS	*Thạch Thất, ngày 24 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 39/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K3 (T9);

Địa chỉ: Số F, phố Q, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Ngọc Đ, bà Lương Ái N – Chuyên viên xử lý nợ

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1976;

Bà **Đỗ Thị C**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, TP Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Nguyễn Hồng M**, sinh năm 1964;

+ Bà **Đỗ Thị D**, sinh năm 1962;

+ Bà **Đỗ Thị T1**, sinh năm 1952; (vợ ông K)

+ Anh **Nguyễn Thiện T2**, sinh năm 1984; (con ông K, bà T1);

+ Anh **Nguyễn Thiện T3**, sinh năm 1986; (con ông K, bà T1);

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Anh **Nguyễn Thiện A,** sinh năm 1976; (con ông K, bà T1);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Anh **Nguyễn Thiện N1**, sinh năm 1974; (con ông K, bà T1);

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội.

(Bà T1, anh T2, anh T3, anh A, anh N1 là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thiện K1;);

+ Cụ **Cấn Thị H**, sinh năm 1945 (mẹ đẻ ông Nguyễn Hồng M);

+ Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1988 (con trai ông M, bà D);

+ Chị **Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm 1997 (vợ anh H1);

+ Cháu **Nguyễn Tuệ N2**, sinh năm 2022;

+ Cháu **Nguyễn Gia T4**, sinh năm 2023;

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện T, TP Hà Nội.

+ Chị **Nguyễn Thị Hồng T5**, sinh năm 1987 (vợ anh Nguyễn Thiện T2);

+ Cháu **Nguyễn Bảo N3, sinh năm 2010** (con anh T2, chị T5);

+ Cháu **Nguyễn Thiện P**, sinh năm 2014 (con anh T2, chị T5);

+ Cháu **Nguyễn Minh C1, sinh năm 2023** (con anh T2, chị T5);

+ Chị **Cấn Thị K2**, sinh năm 1988 (vợ anh Nguyễn Thiện T3);

+ Cháu **Nguyễn Bảo T6, sinh năm 2011** (con anh T3, chị K2);

+ Cháu **Nguyễn Khánh D1** (con anh T3, chị K2);

+ Cháu **Nguyễn Thiện Đ1** (con anh T3, chị K2);

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Chị **Nguyễn Ngọc A1**, sinh năm 1998 (con ông T, bà C);

+ Anh **Nguyễn Văn T7**, sinh năm 1994 (chồng chị Ngọc A1);

+ Cháu **Nguyễn Minh Đ2**, sinh năm 2020 (con chị Ngọc A1, anh T7);

+ Cháu **Nguyễn Ngọc Trâm A2**, sinh năm 2023 (con chị Ngọc A2, anh T7);

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đỗ Thị T1, anh Nguyễn Thiện N1, Nguyễn Thiện A, anh Nguyễn Thiện T3, chị Nguyễn Thị Hồng T5, chị Cấn Thị K2 là anh Nguyễn Thiện T2, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn L, xã K,

huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Ngọc A2 và anh Nguyễn Văn T7 là ông Nguyễn Hữu T và bà Đỗ Thị C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Hữu T và bà Đỗ Thị C có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ T9 theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 10586/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 21/10/2010, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 10586 ngày 25/10/2010 và Hợp đồng tín dụng chung, dài hạn số: 10860/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 19/12/2010, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 10860 ngày 20/10/2010, tính đến ngày 12/7/2024 là:

+ Theo Khế ước nhận nợ số LD 1134810860 là **5.289.552.147** đồng: trong đó: Nợ gốc **1.485.112.757** đồng; nợ lãi trong hạn**1.760.964.064** đồng; nợ lãi quá hạn **2.043.475.326** đồng.

+ Theo Khế ước nhận nợ số LD 1134910586 là **5.291.604.906** đồng; trong đó: Nợ gốc **1.470.000.000** đồng; nợ lãi trong hạn **1.744.028.630** đồng; nợ lãi quá hạn **2.077.576.276** đồng.

Tổng nợ là: **10.581.157.053 đồng (***Mười tỷ năm trăm tám mươi mốt triệu một trăm năm mươi bảy nghìn không trăm năm mươi ba đồng***);** trong đó: Nợ gốc **2.955.112.757** đồng; nợ lãi trong hạn **3.504.992.694** đồng; nợ lãi quá hạn **4.121.051.602** đồng.

2.2. Ông Nguyễn Hữu T và bà Đỗ Thị C còn phải trả khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 10586/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 21/10/2010 vào Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 10860/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 19/12/2010 kể từ ngày 13/7/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.3.Kể từ ngày Quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Hữu T và bà Đỗ Thị C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì T9 có quyền yêu cầu Cơ Quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho T9, tài sản bảo đảm gồm:

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, các quyền lợi và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 510, tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng: đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: xã K, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là TP Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 223868, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00157.QSDĐ/1804/QĐ-UB-H do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 16/12/2002. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 5063.2010/HĐTC ngày 21/10/2010 tại Văn phòng C2, thành phố Hà Nội. Phạm vi đảm bảo khoản nợ gốc là: 779.569.623 đồng, nợ lãi 2.011.778.557 đồng, tổng: 2.791.348.180 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 13/7/2024.

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, các quyền lợi phát sinh từ thửa đất số 484, tờ bản đồ số 6, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, tại đại chỉ: Thôn C, xã K, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là TP Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 764107, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H-00995/QSDĐ/515/QĐ-UB do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 27/04/2007. Đã đính chính thông tin của chủ sử dụng đất ngày 19/10/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, thành phố Hà Nội. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 5058.2010/HĐTC-TCB ngày 21/10/2010 tại Văn phòng C2, thành phố Hà Nội. Phạm vi đảm bảo nợ gốc là: 543.885.783 đồng, nợ lãi: 1.403.566.435 đồng, tổng: 1.947.452.218 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 13/7/2024.

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 14, tờ bản đồ số 3, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 494470, mã vạch: 1000610000060, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00060/QSDĐ/2070/TT do UBND huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/2010. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 6362.2010/HĐTC-TCB ngày 16/12/2010 tại Văn phòng C2, thành phố Hà Nội. Phạm vi đảm bảo nợ gốc là: 1.631.657.350 đồng, nợ lãi: 4.210.699.305 đồng, tổng: 5.842.356.655 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 13/7/2024.

+ Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông T, bà C đối với T9. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T, bà C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T9.

2.4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T8 và bà Đỗ Thị C chịu **59.290.000** đồng (năm mươi chín triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP K3 số tiền **62.133.000** đồng (*Sáu mươi hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0017612 ngày 19/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- THADS huyện Thạch Thất;
- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy